

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

**Đối tượng:** Sinh viên hệ chính quy (trừ ngành Ngôn ngữ Anh chương trình Tiếng Anh Kinh tế quốc tế, Tiếng Anh Quản trị kinh doanh, Tiếng Anh Tài chính – ngân hàng) Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
  - + Tiếng Anh: International Economics
- Mã số ngành đào tạo: D310106
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế quốc tế
  - + Tiếng Anh: The degree of Bachelor in International Economics
- Đơn vị đào tạo: Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN

### 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân có chất lượng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế với năng lực tác nghiệp, phân tích và trợ giúp hoạch định, tổ chức thực thi các chính sách, cũng như lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài tại các cơ quan chính phủ, các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài; có khả năng tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học; có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và các lĩnh vực liên quan.

### 3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Xét điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm đăng ký học bằng kép đạt từ 2,50 trở lên
- Đối tượng xét tuyển: Sinh viên hệ chính quy, đang học từ học kỳ thứ ba đến học kỳ thứ bảy của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (trừ ngành Ngôn ngữ Anh chương trình Tiếng Anh Kinh tế quốc tế, Tiếng Anh Quản trị kinh doanh, Tiếng Anh Tài chính – ngân hàng) Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.

## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Về kiến thức

- Hiểu bối cảnh và tư tưởng đường lối của Nhà nước Việt Nam được truyền tải trong khối kiến thức chung và vận dụng vào nghề nghiệp và cuộc sống.
- Hiểu và áp dụng các kiến thức theo lĩnh vực như toán, khoa học tự nhiên và kiến thức theo khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho nhóm ngành kinh tế.
- Hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành kinh tế quốc tế.
- Hiểu và áp dụng các kiến thức về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư nước ngoài... để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
- Hiểu và áp dụng kiến thức ngành kinh tế quốc tế để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
- Áp dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực kinh tế quốc tế để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai.

### 2. Về kỹ năng

#### ***- Kỹ năng nghề nghiệp***

- Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
- Có các kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
- Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và bối cảnh tổ chức để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.

#### ***- Kỹ năng mềm***

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian công việc, có khả năng làm việc nhóm và một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo.
- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail), giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương IELTS 4.0 trở lên.

- Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews...); có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

### 3. Về phẩm chất đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn, ...
- Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa.
- Có các phẩm chất đạo đức xã hội như: Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng.

### 4. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

#### *Nhóm 1 - Chuyên viên hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách, nghiên cứu viên và giảng viên*

- Có khả năng đảm nhận các công việc trợ lý hay chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của Chính phủ; triển vọng có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn chính sách trong các lĩnh vực này.

- Có khả năng tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến kinh tế quốc tế, kinh tế đối ngoại Việt Nam, thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư nước ngoài; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

#### *Nhóm 2 - Chuyên viên kế hoạch, kinh doanh và đối ngoại tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước*

- Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến lập kế hoạch, giám sát hay thực thi về chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, logistics, phát triển thị trường quốc tế, tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng thương mại quốc tế tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài; triển vọng có thể trở thành nhà quản lý hay doanh nhân trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ của chương trình:	<b>123</b> tín chỉ, trong đó
- Số tín chỉ được bảo lưu:	27
- Số tín chỉ phải tích lũy:	96

## 1. Các môn học được bảo lưu

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b> (Không tính các môn học 9-11)	<b>27</b>				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105	Tiếng Anh A1	4	16	40	4	
7	FLF1106	Tiếng Anh A2	5	20	50	5	FLF1105
8	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	50	5	FLF1106
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
11		Kỹ năng mềm	3				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>0</b>				
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>0</b>				
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>0</b>				
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>0</b>				
<b>VI</b>		<b>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>0</b>				
		<b>Cộng</b>	<b>27</b>				

## 2. Các môn học phải tích lũy:

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b>	<b>0</b>				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>10</b>				
1	MAT1092	Toán cao cấp	4	42	18		
2	MAT1101	Xác suất thống kê	3	27	18		MAT1092
3	MAT1005	Toán kinh tế	3	27	18		BSA1053
<b>III</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>16</b>				
<i>III.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>	<i>14</i>				
4	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	23	5	2	
5	INE1050	Kinh tế vi mô 1	3	35	10		
6	INE1051	Kinh tế vĩ mô 1	3	35	10		
7	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	15		MAT1101
8	INE1052	Kinh tế lượng	3	24	21		INT1004 INE1051 BSA1053
<i>III.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>	<i>2/8</i>				
9	BSA1022	Lãnh đạo và giao tiếp nhóm	2	20	10		
10	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	22	7	1	
11	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	15	12	3	
12	PHI1051	Lô gíc học	2	20	6	4	
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>20</b>				
<i>IV.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>	<i>17</i>				
13	BSL2050	Luật kinh tế	2	15	13	2	THL1057
14	INE1016	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	30	15		INE1051
15	INE2001	Kinh tế vi mô 2	3	35	10		INE1050
16	INE2002	Kinh tế vĩ mô 2	3	30	15		INE1051
17	INE2003	Kinh tế phát triển	3	29	16		INE1051
18	PEC1050	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	35	10		
<i>IV.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>	<i>3/12</i>				
19	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	27	18		
20	BSA2103	Nguyên lý quản trị kinh doanh	3	27	18		

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
21	BSA2002	Nguyên lý Marketing	3	21	23	1	
22	BSA2004	Nhập môn quản trị học	3	35	10		
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>39</b>				
<i>V.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>	<i>15</i>				
23	INE3001	Thương mại quốc tế	3	28	17		INE1050 INE1051
24	INE3070	Nhà nước và công ty toàn cầu	3	30	15		INE1050 INE1051
25	INE3003	Tài chính quốc tế	3	30	15		INE1050 INE1051
26	INE3071	Quản trị trong nền kinh tế toàn cầu	3	36	9		INE1050 INE1051
27	INE3072	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	28	17		INE1050 INE1051
<i>V.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>	<i>24/45</i>				
<i>V.2.1</i>		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	<i>12/24</i>				
<i>V.2.1.1</i>		<i>Các môn học chuyên sâu về lĩnh vực Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế</i>	<i>12</i>				
28	INE3073	Chính sách kinh tế đối ngoại Việt Nam	3	30	15		INE1050 INE1051
29	INE3002	Đầu tư quốc tế	3	30	15		INE1050 INE1051
30	INE3074	Các vấn đề chính sách trong nền kinh tế quốc tế	3	34	11		INE1050 INE1051
31	INE3109	Toàn cầu hóa và khu vực hóa trong nền kinh tế thế giới	3	30	15		INE1050 INE1051
<i>V.2.1.2</i>		<i>Các môn học chuyên sâu về lĩnh vực kinh doanh có yếu tố nước ngoài</i>	<i>12</i>				
32	INE3060	Kinh tế thương mại điện tử	3	30	15		INE1050 INE1051
33	BSA3001	Marketing quốc tế	3	30	15		BSA2002

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
34	INE3066	Quản trị tài chính quốc tế	3	26	19		INE1050 INE1051
35	INE3106	Thanh toán quốc tế	3	30	15		INE1051
V.2.2		<i>Các môn học bổ trợ</i>	12/21				
36	INE3061	Nghèo đói và chính sách công	3	30	15		INE1050 INE1051
37	INE3062	Kinh tế Đông Á và Đông Nam Á	3	30	15		INE1050 INE1051
38	INE2018	Phân tích chi phí và lợi ích	3	30	15		INE1050 INE1051
39	FIB2001	Tiền tệ - ngân hàng	3	30	15		INE1051
40	INE3156	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3	30	15		INE1050 INE1051
41	INE3067	Lý thuyết trò chơi	3	30	15		INE1050 INE1051
42	INE2004	Kinh tế môi trường	3	30	15		INE1051
<b>VI</b>		<b>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>11</b>				
VI.1		<i>Thực tập và niên luận</i>	5				
43	INE4056	Thực tập thực tế	2	5	20	5	
44	INE4050	Niên luận	3			45	
VI.2		<i>Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế</i>	6				
45	INE4057	Khóa luận tốt nghiệp	6				
46		Môn học thay thế: Chọn 2 môn trong V.2	6				
		<b>Cộng</b>	<b>96</b>				

**MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG**  
**TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ**  
**CHƯƠNG TRÌNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

<i>Chương trình Kinh tế Quốc tế</i>				<i>Chương trình Trường ĐH Ngoại ngữ</i>				<i>Ghi chú</i>
<i>Số TT trong CTĐT</i>	<i>Mã số</i>	<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	<i>Số TT trong CTĐT</i>	<i>Mã số</i>	<i>Môn học</i>	<i>Số TC</i>	
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	5	INT1004	Tin học cơ sở	3	
6	FLF1105	Tiếng Anh A1	4	6		Ngoại ngữ A1	4	
7	FLF1106	Tiếng Anh A2	5	7		Ngoại ngữ A2	5	
8	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	8		Ngoại ngữ B1	5	
9		Giáo dục thể chất	4	9		Giáo dục thể chất	4	
10		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	10		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	
11		Kỹ năng mềm	3	11		Kỹ năng mềm	3	
12	MAT1092	Toán cao cấp	4	15	MAT1092	Toán cao cấp	4	
13	MAT1101	Xác suất thống kê	3	16	MAT1101	Xác suất thống kê	3	
24	PHI1051	Lô gíc học	2	21	PHI1051	Logic học đại cương	2	
16	INE1050	Kinh tế vi mô	3	84	INE1050	Kinh tế vi mô	3	



Chương trình Kinh tế Quốc tế				Chương trình Trường ĐH Ngoại ngữ				Ghi chú
Số TT trong CTĐT	Mã số	Môn học	Số TC	Số TT trong CTĐT	Mã số	Môn học	Số TC	
17	INE1051	Kinh tế vĩ mô	3	85	INE1051	Kinh tế vĩ mô	3	
28	INE2003	Kinh tế phát triển	3	94	INE2003	Kinh tế phát triển	3	
30	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	93	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	
32	BSA2002	Nguyên lý marketing	3	92	BSA2002	Nhập môn marketing	3	
33	BSA2004	Nhập môn Quản trị học	3	90	BSA2004	Nhập môn Quản trị học	3	
50	FIB2001	Tiền tệ - ngân hàng	3	86	FIB2001	Tiền tệ - ngân hàng	3	

*Hà Nội, ngày tháng năm 2013*

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ

KT. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH KINH TẾ  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

**PGS.TS Nguyễn Ngọc Thanh**